

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO BẰNG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/DS - ST
Ngày: 13/4/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Phương

2. Ông Lưu Danh Thùy

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bằng Thị M Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:* Bà Cao Bằng Giang - Kiểm sát viên. Có văn bản không tham gia phiên tòa ngày 28/3/2022.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-DSST ngày 31/3/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần B

Trụ sở chính: Tầng 1,3,4,5,6 Tòa nhà Thaiholdings Tower, số 210 đường Trần Quang Khải, phường T, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Chức vụ: Tổng Giám đốc ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Cao Bằng

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lưu Bích T – Chức vụ: Giám đốc ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Cao Bằng

Người được ủy quyền lại: Bà Giáp Thị L - Chức vụ: Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng khách hàng Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Cao Bằng; Địa chỉ: Số 40, phố Kim Đồng, phường H, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn:

1. Bà Chung Lệ Q; sinh năm 1988; Hộ khẩu thường trú: tổ 12, phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bà Hoàng Thị M; sinh năm 1964; Hộ khẩu thường trú: tổ 12, phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/6/2021 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ngân hàng TMCP B (Ngân hàng) trình bày như sau:

Ngày 07/3/2018, bà Chung Thị Q, bà Hoàng Thị M và Ngân hàng TMCP B chi nhánh Cao Bằng (Ngân hàng L chi nhánh Cao Bằng) ký Hợp đồng tín dụng số HDTD2502018164 ngày 07/03/2018 với nội dung như sau:

- Bên cho vay: Ngân hàng thương mại cổ phần B.
- Bên vay: bà Chung Thị Q và bà Hoàng Thị M
- Số tiền vay: 60.000.000 VND (Sáu mươi triệu đồng).
- Thời hạn vay: 60 tháng (kể từ ngày 07/3/2018 đến ngày 07/3/2023).
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua nội thất.
- Lãi suất vay: 13%/năm.
- Tài sản bảo đảm: Cho vay tiêu dùng không tài sản bảo đảm cán bộ, công chức, viên chức.

Ngoài ra trong hợp đồng còn có một số điều khoản quy định quyền và nghĩa vụ của các bên, và các trường hợp giải quyết khi phát sinh hành vi vi phạm nghĩa vụ hợp đồng.

Sau khi ký hợp đồng trên, Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay vào ngày 07/3/2018, khi giải ngân có mặt của bà Q và bà M, hình thức giải ngân là nhận tiền mặt. Bà Q đã trả nợ (trả gốc và lãi hàng tháng) đúng hạn đến tháng 08/2019. Từ 09/2019 thì không trả nợ đúng hạn, để phát sinh nợ quá hạn, hiện khoản vay đã chuyển nợ xấu.

Kể từ lúc phát sinh nợ quá hạn và chuyển nợ xấu, ngân hàng nhiều lần đôn đốc và gửi thông báo nợ quá hạn, đến gia đình gặp bà Q và bà M để làm việc, cam kết hàng tháng nộp tiền nhưng 2 người vẫn không trả nợ theo đúng cam kết.

Bà Q và bà M đã vi phạm Điều 7 của Hợp đồng tín dụng do bên vay phát sinh nợ nhóm 2 trở lên (Hiện tại nợ nhóm 3) nên Ngân hàng có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng.

Ngân hàng L đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng buộc bà Chung Thị Q và bà Hoàng Thị M phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngay cho Ngân hàng với tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/6/2021 là: 36.801.824 đồng. Trong đó:

- Nợ gốc: 22.855.035 đồng.
- Nợ lãi: 10.978.188 đồng.

Trong thời gian chưa thanh toán nợ, buộc bà Chung Thị Q và bà Hoàng Thị M phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi tất toán khoản vay.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn Chung Thị Q trình bày: bà xác nhận năm 2018 được vay Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền 60.000.000

đồng. Hàng tháng trả tiền gốc và tiền lãi khoảng 1.500.000,đ/tháng. Tuy nhiên, thời gian gần đây bà gặp khó khăn về kinh tế, một mình nuôi hai con nên không có khả năng thanh toán. Bà chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xin Ngân hàng tạo điều kiện cho bà được trả nợ dần và không tính lãi.

- *Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn Hoàng Thị M trình bày:* Bà Hoàng Thị M xác nhận con gái là Chung Lệ Q có vay tiền của Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền 60.000.000 đồng. Hàng tháng dùng tiền lương để trả cho Ngân hàng. Thời gian đầu trả đủ cả gốc và lãi hàng tháng, tuy nhiên gần đây bà Chung Lệ Q không có khả năng chi trả do chồng là anh Vũ Trung H vi phạm pháp luật, phải chấp hành án treo, một mình bà Q phải nuôi hai con nhỏ. Bà M mong muốn phía Ngân hàng cho bà Q trả dần hàng tháng.

Tại phiên tòa:

Người được ủy quyền lại của Ngân hàng TMCP B thay đổi nội dung khởi kiện về số tiền nợ gốc và tiền lãi yêu cầu bị đơn thanh toán do trước đó có sai sót khi tính toán số tiền này trong đơn khởi kiện. Nay Ngân hàng đề nghị bà Chung Lệ Q và bà Hoàng Thị M phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng với số tiền tạm tính đến ngày xét xử (ngày 13/4/2022) như sau:

- Nợ gốc: 33.931.865 đồng;
- Tiền lãi trong hạn: 6.134.744 đồng.
- Lãi trên nợ gốc quá hạn: 5.731.998 đồng.
- Lãi trên nợ lãi quá hạn: 711.411 đồng.

Tổng cộng là: 46.510.018 đồng.

Trong thời gian chưa thanh toán nợ, buộc bà Chung Lệ Q và bà Hoàng Thị M phải tiếp tục chịu tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản vay.

Bà Chung Lệ Q nhất trí với số tiền Ngân hàng yêu cầu thanh toán nhưng do hiện nay bà có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không thể thanh toán ngay toàn bộ số tiền trên cho Ngân hàng được, đề nghị được thanh toán dần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nhận định về tố tụng:

Quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn cư trú tại tổ 12, phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng nên việc thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Hoàng Thị M vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nhận định về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện về khoản nợ gốc

Ngày 07/3/2018 bà Chung Lệ Q, bà Hoàng Thị M và Ngân hàng TMCP B chi nhánh Cao Bằng ký Hợp đồng tín dụng số HDTD2502019546 ngày 07/3/2018 với nội dung như sau:

- Bên cho vay: Ngân hàng TMCP B.
- Bên vay: bà Chung Lệ Q.
- Người đồng trách nhiệm của Bên vay: bà Hoàng Thị M.
- Số tiền vay: 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).
- Thời hạn vay: 60 tháng (kể từ ngày 07/3/2018 đến ngày 07/3/2023).
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua nội thất.
- Lãi suất trong hạn là: 13%/năm.

Thực hiện hợp đồng trên, ngày 07/3/2018 Ngân hàng đã giải ngân cho bà Q và bà M số tiền 60.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng), hình thức giải ngân là tiền mặt, khi nhận tiền có mặt cả bà Q và bà M.

Hội đồng xét xử xét thấy, các bên tham gia ký kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự. Về hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 119 của Bộ luật Dân sự. Như vậy, hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giao đủ số tiền 60.000.000 đồng. Tuy nhiên, phía bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại điểm a mục 7.1 Điều 7 của Hợp đồng tín dụng. Do đó, nguyên đơn có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ theo quy định tại mục 10.6 Điều 10 của Hợp đồng tín dụng.

Mục 9.3 Điều 9 Hợp đồng tín dụng quy định về nghĩa vụ của bên vay và người đồng trách nhiệm của Bên vay như sau: “Sử dụng mọi nguồn thu nhập của Bên vay và người đồng trách nhiệm để trả nợ cho Bên cho vay” do đó bà Q và bà M cùng có nghĩa vụ liên đới thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng.

Tính đến ngày xét xử, bà Chung Lệ Q và Hoàng Thị M đã thanh toán số tiền nợ gốc là 25.068.135 đồng cho Ngân hàng, số nợ gốc còn lại phải thanh toán là 33.931.865 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu về khoản nợ lãi

Xét thấy tại hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận mức lãi suất và mức điều chỉnh lãi suất. Xét lãi suất trong hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng là 13% phù hợp với lãi suất quy định của pháp luật tại thời điểm ký hợp đồng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi quá hạn, trong hợp đồng các bên thỏa thuận lãi trên nợ gốc quá hạn bằng 150 % lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi trên nợ lãi quá hạn là 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự năm

2015, khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc bà Chung Lệ Q và bà Hoàng Thị M có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi như sau:

- Tiền lãi trong hạn: 6.134.744 đồng.
- Lãi trên nợ gốc quá hạn: 5.731.998 đồng.
- Lãi trên nợ lãi quá hạn: 711.411 đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi bà Chung Lệ Q và bà Hoàng Thị M có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử là: 46.510.018 đồng.

Bị đơn yêu cầu Ngân hàng cho trả nợ dần nhưng Ngân hàng không nhất trí nên không có căn cứ để chấp nhận.

[2.3] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi của số còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Số tiền nguyên đơn yêu cầu được Tòa án chấp nhận tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 46.510.018 đồng, do đó số tiền án phí bà Chung Lệ Q và bà Hoàng Thị M phải liên đới chịu là 2.325.500 đồng để sung công quỹ nhà nước.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền 920.045 đồng (Chín trăm hai mươi nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Điều 117, Điều 119, khoản 1 Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B. Buộc bà Chung Lê Q và bà Hoàng Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số HDTD2502019546 ngày 07/3/2018 tạm tính đến ngày 13/4/2022 gồm:

- Nợ gốc: 33.931.865 đồng.
- Lãi trong hạn: 6.134.744 đồng.
- Lãi trên nợ gốc quá hạn: 5.731.998 đồng.
- Lãi trên nợ lãi quá hạn: 711.411 đồng.

Tổng cộng số tiền bà Chung Lê Q và bà Hoàng Thị M phải liên đới thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần B là: 46.510.018 đồng (bốn mươi sáu triệu năm trăm mười nghìn không trăm mười tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Án phí: Bà Chung Lê Q và bà Hoàng Thị M có nghĩa vụ liên đới chịu 2.325.500 đồng (hai triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 920.045 đồng (chín trăm hai mươi nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003057 ngày 02/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn Chung Lệ Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn Hoàng Thị M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hoài Phương